

Số: 268/KH-MNSC

Tân Hồng, ngày 9 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2024 – 2025

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Hướng dẫn số 1165/HD-PGDĐT, ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Hồng về việc Hướng dẫn thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 đối với các trường Mầm non, Mẫu giáo, Tiểu học, TH-THCS và THCS;

Thực hiện Công văn số 1181/HD-PGDĐT, ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Hồng về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024 - 2025 đối với giáo dục mầm non;

Thực hiện Công văn số 228/KH-MNSC, ngày 21 tháng 8 năm 2024 của trường Mầm non Sơn Ca về việc thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 266/KH-MNSC, ngày 9 tháng 9 năm 2024 của Trường Mầm non Sơn Ca về việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2024 – 2025;

Căn cứ tình hình thực tế trường Mầm non Sơn Ca xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 như sau:

A. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÓM 24 – 36 THÁNG TUỔI

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ SỐ TUẦN:

1. Lĩnh vực Giáo dục phát triển thể chất:

Mục tiêu GD năm học	Nội dung GD năm học Chủ đề dự kiến	Ghi chú
Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
1. Bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay-đưa tay về phía trước - sang ngang	Trẻ thực hiện bắt chước một số động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo cô: Giơ cao tay-đưa tay về phía trước – sang ngang.	
2. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể	- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài tập thể	

<p>đục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.</p>	<p>đục. + Hô hấp: Tập hít thở. + Tay: Giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau. + Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên. + Chân: Dạng sang 2 bên, ngồi xuống đứng lên.</p>	
Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.		
3. Tập đi, bò	<ul style="list-style-type: none"> - Bò trong đường hẹp - Đi trong đường ngoằn ngoèo - Đi trong đường hẹp. 	
4. Tập nhún bật, tung bóng	<ul style="list-style-type: none"> - Bật tại chỗ. - Bật vào vòng. - Đi trong đường hẹp, bò chui qua cổng. - Tung bóng bằng 2 tay 	
5. Tập đi, bật, tung, ném bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi có mang vật trên tay - Bật qua vạch kẻ - Ném bóng về phía trước bằng 1 tay - Tung bắt bóng cùng cô. 	
6. Đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trong đường hẹp có bê vật trên tay. - Bò qua vật cản. - Bò theo hướng thẳng có mang vật trên lưng. 	
7. Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: Tung-bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao. - Ném bóng về phía trước. - Tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m - Bò chui qua cổng 	
8. Thực hiện phối hợp vận động tay-mắt và phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò theo hướng thẳng có mang vật trên lưng – bước qua vật cản. - Ném bóng vào đích nằm ngang xa 1 - 1,2m. - Ném trúng đích thẳng đứng - Bò trong đường ngoằn ngoèo. 	
9. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động: Ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m).	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m) - Ném bóng bằng 2 tay qua dây. - Ném xa bằng 1 tay và chạy nhanh 10m. 	
10. Tập đi, chạy và tung bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy theo hướng thẳng. - Tung bóng qua dây. - Bật xa bằng 2 chân. - Đi, chạy theo hiệu lệnh. 	

11. Giữ được thăng bằng trong vận động đi, đứng co 1 chân.	<ul style="list-style-type: none"> - Đứng co 1 chân. - Đi trên ghế thể dục. - Đi bằng mũi bàn chân có mang vật trên tay. 	
12. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn qua vật cản,	<ul style="list-style-type: none"> - Bò cao bằng bàn tay và bàn chân. - Bò, trườn qua vật cản. - Trèo lên, xuống bục cao 	
Thể hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay.		
13. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay – thực hiện: Chắp ghép hình, nhón, vò xé...	<ul style="list-style-type: none"> - Chắp ghép hình liền kề với nhau. - Nhón nhặt đồ vật bằng 2 ngón tay. - Vò xé tạo ra sản phẩm khác nhau (ao cá, hàng rào...) 	
14. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong hoạt động khâu vòng, chuỗi đeo cổ, luồn dây, cài nút áo.	<ul style="list-style-type: none"> - Khâu vòng tặng người thân. - Khâu dây hoa tặng mẹ.... - Dùng khăn mùi xoa lau mặt khi có mồ hôi - Rửa tay - lau tay - Lau bàn ghế 	
15. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong hoạt động (Xếp tháp, lồng hộp, xếp chồng 6-8 hình khối.)	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp tháp, lồng hộp, - Xếp chồng 6-8 hình khối. 	
16. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong hoạt động (Tô bông hoa, áo đầm, con vật, vẽ tô chim...)	<ul style="list-style-type: none"> - Tập cầm bút, tô vẽ. - Tư thế ngồi ngay ngắn. - Vẽ tô chim, cuộn len... - Tô bông hoa, áo đầm, con vật, 	
17. Lật mở trang sách.	<ul style="list-style-type: none"> - Thao thác cầm lật mở trang sách nhẹ nhàng cẩn thận - Lật mở trang sách. Xem truyện tranh. 	
Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.		
18. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các thức ăn khác nhau. - Hàng ngày ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để cơ thể khoẻ mạnh. 	
19. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt: Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận ra nơi đi vệ sinh, - Có thói quen đi vệ sinh đúng nơi quy định 	
20. Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong ăn uống. sinh hoạt: rửa tay trước khi	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết ăn thức ăn được nấu chín, uống nước đun sôi để nguội. - Biết rửa tay trước khi ăn, lau miệng sau 	

ăn, lau mặt, miệng, uống nước sau khi ăn, vứt rác đúng nơi qui định. Rửa tay sau khi đi VS.	ăn, uống. Rửa tay bằng xà phòng sau khi đi vệ sinh. - Trẻ biết bỏ rác vào thùng rác. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.	
21. Giáo dục trẻ ý thức giữ gìn VS lớp học, ĐDDC, bỏ rác đúng nơi qui định	- Giáo dục trẻ ý thức giữ gìn VS lớp học, ĐDDC, bỏ rác đúng nơi qui định - Giáo dục trẻ có thói quen giữ vệ sinh lớp học như không vẽ bậy trên tường, cắt ĐDDC và bỏ rác vào thùng rác...) - Rửa mặt, Xi mũi	
Thực hiện một số việc tự phụ vụ giữ gìn sức khỏe.		
22. Trẻ làm quen một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	- Trẻ tự xúc cơm, uống nước, - Chải đầu - Tự đi vệ sinh khi có nhu cầu. - Ăn xong xếp chén muống vào nơi quy định.	
23. Chấp nhận: đội mũ khi đi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ chấp nhận, thực hiện theo yêu cầu của người lớn: đội mũ khi đi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	
24. Biết thể hiện 1 số nhu cầu ăn uống, vệ sinh bằng cử chỉ, lời nói.	- Trẻ tự nói được nhu cầu đơn giản của bản thân (Con uống nước, con ăn cơm, con đi vệ sinh...) - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.		
25. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Trẻ nhận biết và không được phép sờ những vật dụng có thể gây nguy hiểm vật sắc nhọn: dao, kéo, mảnh chai, kim...bàn ủi, bếp điện, ổ điện... - Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm: (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	
26. Biết tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh. (Không được lấy hạt, hạt cho vào miệng, mũi...) - Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh. (trèo leo lên lan can, chơi nghịch xô đẩy bạn...) Khi được nhắc nhở.	

2. Lĩnh vực Giáo dục phát triển nhận thức:

Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan.		
<p>27. Sờ nắn, nhìn, nghe ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ sờ nắn đồ vật, đồ chơi, hoa, quả của các loại quả để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì. - Ngửi nhận biết mùi thơm của một số hoa, quả. Nếm các loại quả, bánh kẹo. - Mém vị của một số thức ăn, quả để phân biệt được (ngọt – nậm – chua). 	
<p>28. Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết các loại âm thanh khác nhau: tiếng chim hót, tiếng sấm, tiếng xe máy, tiếng ô tô, tiếng con vật kêu... và bắt chước các âm thanh đó. - Nhận biết phân biệt các âm thanh của những con vật quen thuộc (Chim, chó, mèo, heo, gà vịt, trâu, bò...) - Nhận biết phân biệt các loại âm thanh của phương tiện giao thông quen thuộc. 	
Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.		
<p>29. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết chơi và sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. (Bé em, cho búp bê ăn, uống, ru búp bê ngủ, ...). - Trẻ bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi (Bé em, cho em bé ăn, uống, quét nhà, lau bàn...) 	
<p>30. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được tên của mình, khi được hỏi. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Nói được tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp. 	
<p>31. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết được tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Trẻ nói được tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. 	
<p>32. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật quen thuộc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, nói được tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng, đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Nhận biết được, đồ dùng, đồ chơi của bản thân. 	

	- Nhận biết được, đồ dùng, đồ chơi của nhóm/ lớp.	
33. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc.	- Nhận biết được tên gọi và một số đặc điểm nổi bật của các con vật quen thuộc. - Biết được loại ích của một số con vật.	
34. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của cây, hoa, quả quen thuộc.	- Nhận biết được tên và một số đặc điểm nổi bật của rau, cây, hoa, quả quen thuộc. - Biết được loại ích của một số rau, cây, hoa, quả quen thuộc.	
35. Tên đặc điểm nổi bật công dụng của PTGT gần gũi (ND)	- Trẻ nhận biết được tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Thích tìm hiểu về một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Nhận biết tên và đặc điểm nổi bật của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	
36. Chỉ / nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ / vàng / xanh; hình học tròn, vuông theo yêu cầu.	- NB - Chỉ & lấy, gọi tên được ĐV có màu đỏ, xanh, vàng theo yêu cầu. - NB - Chỉ & lấy, gọi tên hình học tròn, vuông theo yêu cầu.	
37. Chỉ / nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to / nhỏ theo yêu cầu.	- NB - Chỉ & lấy, gọi tên được con vật, quả có kích thước to - nhỏ theo yêu cầu. - Nhận biết đồ vật to – nhỏ, màu đỏ - màu vàng.	
38. Trẻ xác định, nhận biết được vị trí trong không gian; số lượng.	- Trẻ xác định được vị trí trong không gian (Trên – dưới; trước – sau) so với bạn thân trẻ. - Trẻ nhận biết, phân biệt về số lượng về đồ vật, hoa, quả (Một – nhiều).	

3/ Lĩnh vực Giáo dục phát triển ngôn ngữ:

Nghe hiểu lời nói		
39. Nghe hiểu thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động. VD: "Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay".	- Nghe hiểu & thực hiện y/c theo lời nói (giúp trẻ hiểu lời nói & biết hành động theo lời nói).* - Trẻ nghe thực hiện hành động theo yêu cầu.	
40. Trả lời các câu hỏi: "Ai đây?"; "Cái gì đây?";		

“...Làm gì?”; “...Thế nào?” (Ví dụ: “Con gà như thế nào?....)	- Nghe các câu hỏi: ai đây? Con gì đây? Cái gì đây? ở đâu?, như thế nào?	
41. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật	- Nghe hiểu nội dung, trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật trong các câu truyện trong chương trình. - Trẻ hiểu nội dung truyện, kể lại được đoạn truyện, lời nói của nhân vật trong câu truyện. (có gợi ý theo tranh).	
Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu.		
42. Phát âm rõ ràng..	- Trẻ phát âm rõ ràng khi sử dụng các từ chỉ đồ vật, và đặc điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Phát âm rõ tên bài thơ, đồng dao, ca dao, bài hát, câu truyện.	
43. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đơn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng. - Đọc được rõ ràng bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	
44. Nghe các âm thanh của động vật, con vật (nghe – đoán và bắt chước âm thanh).	- Nghe âm thanh khác nhau của đồ vật và bắt chước tiếng kêu của các con vật. - Nghe và đoán âm thanh của đồ vật, con vật, hoặc hiện tượng thiên nhiên, bắt chước các âm thanh đó.(Mục đích phát triển thích giác và luyện phát âm cho trẻ)	
Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.		
45. Nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.(Con gà trống gáy ò ó o, hôm nay trời mưa to quá,.....) - Nói to, đủ nghe, lễ phép.	
46. Sử dụng lời nói với mục đích khác nhau. - Chào hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết sử dụng từ “ Chào, tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi, hay dạ thưa trong lúc nói chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như “con gì đây?”; “ cái gì đây?”	
47. Nói to rõ, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. (Chào, tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi, hay dạ thưa..) - Nói chuyện to rõ, đủ nghe, lễ phép khi giao tiếp với người lớn.	

48. Trẻ làm quen với sách (ND)	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ mở sách, xem tranh. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Trẻ xem và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. 	
--------------------------------	---	--

3. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

Biểu lộ về sự nhận thức về bản thân.		
49. Nói được một vài thông tin về bản thân (tên, tuổi)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết tên gọi, 1 số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Nhận biết tên gọi, 1 số đặc điểm bên ngoài của bản thân.(nói được tên, tuổi 1 số bộ phận cơ thể..). 	
50. Thể hiện điều mình thích và không thích.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và gọi tên 1 số ĐĐĐC, yêu thích của mình của bạn. - Thể hiện điều mình thích và không thích. 	
Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.		
51. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	<ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp với những người xung quanh bằng cử chỉ, lời nói. 	
52. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ. - Nhận biết và thể hiện một trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. 	
53. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi...	<ul style="list-style-type: none"> - Chơi thân thiện với bạn, biết chia sẻ đồ chơi với bạn, không tranh giành đồ chơi của bạn. - Quan tâm đến các con vật nuôi. Bắt chước tiếng kêu của một vài con vật nuôi gần gũi. 	
54. Thực hiện được một số yêu cầu của người lớn. (ND)	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. (lấy cốc nước uống, lau miệng, đi đến đây.....) 	
55. Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết sử dụng một số đồ dùng đồ chơi như “ chén, muỗng, ca..... 	
56. Trẻ làm được một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ Biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn. (Vẫy tay chào...) - Chỉ/ Lấy dùng đồ chơi theo yêu cầu của cô. - Làm được theo chỉ dẫn một số yêu cầu đơn giản (Lấy cốc uống nước, lau miệng, đi đến đây...) 	
Thực hiện hành vi xã hội đơn giản.		
57. Biết chào, tạm biệt,	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số hành vi văn hóa và 	

cảm ơn, ạ, vâng ạ.	giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	
58. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	- Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)	
59. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Trẻ biết chơi thân thiện với bạn, không tranh giành đồ chơi. - Thích chơi cùng bạn không xô đẩy bạn khi chơi.	
60. Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm /lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. (ND)	- Thực hiện một số yêu cầu của người lớn. - Thực hiện sự phân công (công việc vừa sức). - Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	
Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh.		
61. Nghe hát, nghe nhạc với giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.	- Thích nghe hát, nghe nhạc với giai điệu khác nhau (Có giai điệu vui tươi, trong sáng, ngộ nghĩnh, tình cảm tha thiết về bé, về gia đình thân yêu của bé, những con vật đáng yêu, sự vật hiện tượng gần gũi. Giai điệu của địa phương như hát ru, hát dân ca các vùng miền - Nghe âm thanh của các nhạc cụ (Tiếng trống, phách tre, mõ, xắc xô...) - Biểu lộ cảm xúc khi nghe hát, nghe các âm thanh(như nhún nhảy, lắc lư, vỗ tay, giậm chân theo nhịp điệu bài hát).	
62. Biết hát một vài bài hát quen thuộc.	- Tập hát (bài hát ngắn, dễ hát, dễ thuộc trong chương trình).	
63. Biết vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Tập vận động đơn giản theo nhạc (bài hát ngắn, dễ hát, vận động đơn giản giậm chân, vỗ tay, cuộn cổ tay nhún nhảy theo bài hát)	
64. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình.	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Dán hình ảnh họa tiết cô xé sẵn, dán hoa, quả, - Nặn kỹ năng xoay tròn lăn dọc, véo	

	đất, (Bánh, quả, lá, đồ vật dừa, viên phấn...) - Xếp chồng, xếp cạnh, xếp xen kẽ....)	
65. Xem tranh, cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc.	- Trẻ biết nhìn vào tranh xem hình vẽ (có nhiều màu sắc, hình vẽ sinh động nhiều con vật, cây, hoa, quả và các đồ dùng đồ chơi quen thuộc) - Tư thế ngồi ngay ngắn, thoải mái, có đủ ánh sáng - Trẻ biết cách lật tranh và xem từ đầu quyển tranh đến cuối - Trẻ thích vẽ tranh, tô màu, nặn, xé, xếp hình (Vẽ những nét cơ bản nét xiên, thẳng, nét xoay tròn cầm bút di màu nguệch ngoạc	

II/ DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Tháng	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Ghi chú
9/9 ->13/9/2024	Bé và các bạn	Các bạn của bé	3	1
16/9->20/9/2024		Lớp học của bé		
23/9->27/9/2024		Bé biết nhiều thứ		
30/9->4/10/2024	Đồ dùng đồ chơi của bé	Đồ dùng của bé	4	2
7/10->11/10/2024		Những đồ chơi quen thuộc gần gũi		
14/10->18/10/2024		Những đồ chơi bé thích		
21/10->25/10/2024		Những đồ chơi chuyên động được		
28/10->01/11/2024	Mẹ và những người thân yêu của bé	Mẹ của bé	4	3
4/11->8/11/2024		Một số đồ dùng trong gia đình		
11/11->15/11/2024		Người thân của bé		
18/11->22/11/2024		Đồ dùng trong gia đình bé		
25/11->29/11/2024	Bé và các cô các bác trong	Cô giáo của em	3	4
02/12->6/12/2024		Công việc của cô trong nhóm trẻ		

9/12->13/12/2024	nhà trẻ	Cô cấp dưỡng		
16/12->20/12/2024	Những con vật đáng yêu	Những con vật nuôi trong gia đình	4	5
23/12->27/12/2024		Một số con vật ở dưới nước		
30/12->03/01/2025		Động vật sống trong rừng		
6/01->10/01/2025		Những chú chim xinh		
13/01->17/01/2025	Ngày tết và mùa xuân	Ngày tết của bé	3	6
20/01->24/01/2025		Các loại bánh hoa quả trong ngày tết		
Nghỉ Tết nguyên đán				
03/02->7/02/2025	Ngày tết và mùa xuân	Mùa xuân tươi đẹp		
10/02->14/02/2025	Cây và những bông hoa đẹp	Cây xanh của bé	4	7
17/02->21/02/2025		Quả ngon của bé		
24/02->28/02/2025		Hoa trong vườn		
3/03->7/03/2025		Một số loại rau củ		
10/03->14/03/2025	Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì?	Phương tiện giao thông đường bộ	4	8
17/03->21/03/2025		Phương tiện giao thông đường thủy		
24/03->28/03/2025		Phương tiện giao thông đường hàng không		
31/03->4/4/2025		Một số luật giao thông quen thuộc		
7/4->11/4/2025	Mùa hè đến rồi	Thời tiết mùa hè	3	9
14/4->18/4/2025		Quần áo trang phục mùa hè		
21/4->25/4/2025		Nước		
28/4->02/5/2025	Bé lên mẫu giáo	Bé làm quen với lớp mẫu giáo bé	3	10
5/5->9/5/2025		Lớp học của bé		
12/5->16/5/2025		Các hoạt động của bé trong nhóm lớp		

19/5->23/5/2025	Tham quan		
26/5->30/5/2025	Ôn tập và tổng kết năm học		
Kết thúc chương trình 16/5/2025	TC: 10 Chủ đề	35 tuần / năm học	Có 65 mục tiêu

B. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC KHỎI MÀM

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ SỐ TUẦN:

1. Lĩnh vực Giáo dục phát triển thể chất:

Mục tiêu GD năm học	Nội dung GD năm học	Ghi chú
Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
1. Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn	- Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài thể dục theo hướng dẫn (Hô hấp – Tay – Lưng, bụng, lườn – Chân).	
2. Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục sáng theo nhạc với hướng dẫn	Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài thể dục sáng theo nhạc với hướng dẫn (Hô hấp – Tay – Lưng, bụng, lườn – Chân).	
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động.		
3. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).	- Đi trong đường hẹp. - Đi trong đường dích dắc.	
4. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng gót. - Đi ngang bước dồn.	
5. Kiểm soát được vận động: Đi / chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi / Chạy trong đường hẹp. (3m x 0,2m).	

<p>6. Kiểm soát được vận động: Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài. 	
<p>7. Phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao 2m - Tung bắt bóng với cô. - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). 	
<p>8. Phối hợp tay - mắt trong vận động: Tự đập – bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đập bóng nảy trên sàn bằng 2 tay. - Lăn và bắt bóng với người đối diện - Tự đập – bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm). 	
<p>9. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong bài tập tổng hợp: Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy nhanh đến đích. - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. 	
<p>10. Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5m)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích ngang. - Ném bóng trúng đích bằng 1 tay. - Ném xa bằng 1 tay. - Ném bóng vào rổ. - Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5 m). 	
<p>11. Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động: Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. (ND)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. - Chuyên bắt bóng phía trên hàng dọc (qua đầu) - Chuyên bắt bóng phía dưới hàng dọc. (qua chân). 	
<p>12. Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bò theo hướng thẳng. - Bò trong đường hẹp. - Bò theo đường đích dắc. - Bò chui qua cổng. - Bò qua vật cản. 	
<p>13. Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động: Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm) (ND)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm) - Bật tại chỗ. - Bật (Nhảy) về phía trước. - Bật xa 20 – 25 cm. 	
<p>Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt.</p>		
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt và sử 	

<p>14. Thực hiện được các vận động: Xoay tròn cổ tay; Gập đan ngón tay vào nhau.</p>	<p>dụng một số đồ dùng, dụng cụ: Gập, đan các ngón tay vào nhau quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đan tết - Sử muỗng tự xúc cơm ăn. - Sử dụng bút, kéo 	
<p>15. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Cắt thẳng được một đoạn 10cm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cắt được theo đường thẳng. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm). 	
<p>16. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ các hình tròn theo mẫu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ các chấm tròn trên băng đeo tay. - Vẽ các hình tròn trên váy, áo đầm. 	
<p>17. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Xếp chồng 8 – 10 khối không đồ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp chồng 8 – 10 khối không đồ. - Xếp tháp hoặc nhà cao tầng. - Xếp trường mầm non. - Xếp, xây công viên/ vườn cây, vườn hoa. - Xếp doanh trại bộ đội. - Xếp tàu thủy – Xếp ô tô. - Trẻ biết xếp chồng các hình khác nhau. 	
<p>18. Tự cài, cởi cúc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong hoạt động. (Cài, cởi cúc áo trong giờ vệ sinh cá nhân, khi áo bẩn...) 	
<p>Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe. (GDDĐVSK).</p>		
<p>19. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật, hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, một thực phẩm và món ăn quen thuộc. - Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Cá, thịt, trứng sữa, rau...) 	
<p>20. Biết tên một số món ăn hằng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Biết tên một số món ăn hằng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau... 	
<p>21. Biết ăn để chóng lớn,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được tên một số thức ăn hằng ngày. 	

khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết một số món ăn và ích lợi của chúng đối với sức khỏe. - Trẻ chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có ích lợi cho sức khỏe. 	
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.		
22. Thực hiện một số công việc đơn giản: Tự rửa tay, lau mặt, đánh răng, cởi quần áo.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Cởi quần áo... khi bị ướt, bẩn. - Tháo tất, giày. 	
23. Trẻ tự làm được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt: Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự xúc ăn, uống nước, ăn xong xếp chén muống vào nơi quy định. - Ngồi vào bàn ăn, tự xúc cơm ăn. - Biết chào mời trước khi ăn. - thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh. 	
Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
24. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	<ul style="list-style-type: none"> - Biết ăn uống với những thức ăn, nước uống đã được nấu chín, không uống nước lã, ... - Tập luyện một số hành vi tốt trong ăn, uống để giữ gìn sức khỏe và an toàn: (VD: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...) 	
25. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết về lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. 	
26. Chấp nhận vệ sinh răng miệng, đội mũ khi đi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết trang phục theo thời tiết: đội mũ khi đi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. - Chấp nhận vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sau khi thức dậy khi được nhắc nhở và đi dép, giày khi đi học. 	
27. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (bị đau, sốt, bị lạc....) 	
Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra và phòng tránh những vật dụng 	

<p>28. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>nguy hiểm đến tính mạng. (Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra và tranh không nghịch các vật sắc nhọn 	
<p>29. Biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và tránh trong theo người lạ ra khỏi khu vực trong lớp. - Nhận biết và tránh không trèo leo bàn ghế, lan can. - Nhận biết và tránh không chơi đùa hay đi đến nơi nguy hiểm: (Hồ, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) 	
<p>30. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn đến tính mạng. (Không được lấy hạt, hạt cho vào miệng, mũi...). - Tránh không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt. - Tránh không tự lấy thuốc uống 	

2/. Lĩnh vực Giáo dục phát triển nhận thức:

<p>Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng. (KPKH)</p>		
<p>31. Quan tâm hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng hay đặt câu hỏi về đối tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến một số hiện tượng tự nhiên về thời tiết, mùa: Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Kể tên về các nguồn nước thấy ở đâu. - Nhận biết về những dấu hiệu nổi bật của mùa hè và hiện tượng thời tiết của mùa hè. - Nhận biết đặc điểm của nước và ích lợi của nước với đời sống con người, con vật cây cối. - Trò chuyện về sự cần thiết của nước đối với con người, cây cối, động vật. 	
<p>32. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm của đối tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật lợi ích của con vật, cây hoa, quả quen thuộc. - Tên gọi, đặc điểm một số loại rau, củ, quả. - Trải nghiệm bằng các giác quan về một số đặc điểm nổi bật của một số loài hoa, quả. - Nhận biết: Tên gọi, một số bộ phận 	

	<p>chính của các con vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát nhận xét về các đặc điểm và loại ích của các con vật. 	
<p>33. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng (VD thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Chơi với cát nước. - Chơi thả thuyền. - Đong đếm nước. - Thổi bong bóng xà phòng. - Vật nào chìm, vật nào nổi. 	
<p>34. Thu thập và tìm hiểu thông tin về các bộ phận của cơ thể con người, có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu được chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Tên tuổi giới tính của bản thân. 	
<p>35. Thu thập và tìm hiểu thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xem băng hình, tranh ảnh và đàm thoại, trò chuyện về một số đặc điểm nổi bật của một vài nghề phổ biến quen thuộc (dạy học - nghề y - bộ đội - công an - thợ xây - thợ may...) - Trẻ nói được thông tin về gia đình trẻ như tên của cha, mẹ và các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình. - Đàm thoại, trò chuyện tìm hiểu về địa chỉ gia đình, các thành viên trong gia đình, những người họ hàng gần gũi: 	
<p>36. Trẻ tìm hiểu và nhận biết được tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, nhận xét về các loại phương tiện giao thông. - Trẻ nhận biết được tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. 	
<p>37. Phân loại các đối tượng theo dấu hiệu nổi bật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết được tên gọi, đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Trẻ phân loại được công dụng của đồ dùng trong sinh hoạt (đồ dùng để ăn, đồ để uống). - Trẻ nhận ra một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. (Ngày thì có mặt trời, đêm thì có mặt trăng và sao). - Nhận biết về những dấu hiệu nổi bật của mùa hè và hiện tượng thời tiết của mùa hè. 	

	- Trẻ phân loại được một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày (Ban ngày sử dụng nguồn ánh sáng mặt trời, Ban đêm sử dụng nguồn ánh sáng bằng bóng đèn điện).	
Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. Thể hiện hiểu biết về các đối tượng bằng các cách khác nhau.		
38. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Trẻ biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng ta. - Quan sát, trò chuyện về nước và cách bảo vệ, giữ gìn nguồn nước sạch và tiết kiệm nước. - Trẻ biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	
39. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Trẻ mô tả một số địa danh, tìm hiểu về di tích lịch sử nổi tiếng, nét đặc trưng nổi văn hóa của địa phương, nghề truyền thống, đặc sản nổi tiếng, lễ hội, dân ca của địa phương với sự gợi mở của cô giáo. (Qua phim ảnh...) - Trẻ mô tả về một số đặc điểm nổi bật của nghề sản xuất (Tên gọi của nghề, dụng cụ, vật liệu, công việc chính, sản phẩm và ích lợi) với sự gợi mở của cô giáo.	
40. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... ⁽⁵⁶⁾	- Trẻ thể hiện các trò chơi âm nhạc trong các hoạt động vui chơi góc, ngoài trời... - Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua hoạt động chơi tạo hình trong góc chơi nghệ thuật, ngoài trời...	
Nhận biết số đếm, số lượng (LQVMSKNSĐVT)		
41. Quan tâm đến số lượng đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Tập hợp và đếm vẹt đồ dùng, đồ chơi. - Đếm đồ dùng, đồ chơi, cửa sổ... ở lớp. - Trẻ biết sử dụng các ngón tay của bản thân đếm số lượng và biểu thị số lượng bằng các ngón tay.	
	- Đếm, xếp tương ứng 1 – 1 nhận biết số lượng trong phạm vi 2. (Đếm nhóm bạn trai, nhóm bạn gái có bao nhiêu). - Đếm, xếp tương ứng 1 - 1, nhận biết 2 nhóm số thành viên trong gia đình trong phạm vi 3.	

<p>42. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp tương ứng 1 – 1 và đếm các nhóm đồ vật trong phạm vi 3. - Đếm, phân biệt 2 và nhiều các đồ dùng trong gia đình, - Đếm, nhận biết số lượng, chữ số trong phạm vi 3. - Đếm đến 4 cây, rau, quả..., xếp tương ứng 1- 1 trong phạm vi 4. - Đếm các cây, xếp theo tương ứng 1 – 1, nhận biết 2 nhóm cây có số lượng trong phạm vi 4. - Đếm các bông hoa không xếp thành dãy, nối kết quả (trong phạm vi 4). - Đếm số lượng trong phạm vi 4. - Đếm nhóm phương tiện giao thông có số lượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Xếp tương ứng 1 – 1, đếm nhóm phương tiện giao thông có số lượng trong phạm vi 5. 	
<p>43. So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh 1 và nhiều. - Đếm và so sánh về số lượng trong phạm vi 3 - Đếm gộp và tách, so sánh số lượng trong phạm vi 3. - So sánh 2 nhóm rau (củ/quả) có số lượng trong phạm vi 4 và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - So sánh 2 nhóm PTGT (Xe máy/ô tô) có số lượng trong phạm vi 5 và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. 	
<p>44. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. - Gộp 2 nhóm thành 1 nhóm và tách 2 nhóm phương tiện giao thông trong phạm vi 5 và đếm. 	
<p>45. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm có số lượng trong phạm vi 3. - Tách một nhóm các con vật thành 2 nhóm nhỏ trong phạm vi 4 và đếm. - Tách, gộp 2 nhóm các con vật trong phạm vi 4 và đếm. 	

	<ul style="list-style-type: none"> - Tách một nhóm phương tiện giao thông thành 2 nhóm nhỏ trong phạm vi 5 và đếm. - Tách gộp và đếm hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm. 	
<p>46. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Xếp tương ứng 1 – 1, đếm so sánh nhiều hơn, ít hơn và nhận biết số lượng trong phạm vi 3. - So sánh 2 nhóm cây (hoa, quả) có số lượng trong phạm vi 4. - Xếp tương ứng 1 – 1, đếm, so sánh 2 nhóm rau (củ/quả) có số lượng trong phạm vi 4. - Xếp tương ứng 1 - 1 và so sánh (1 và nhiều). - Xếp tương ứng 1-1, đếm, so sánh 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5. 	
<p>47. So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được: To hơn, nhỏ hơn, dài hơn, ngắn hơn, cao hơn thấp hơn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau. - Xếp xen kẽ (To/nhỏ-dài/ngắn-cao/thấp) - So sánh về chiều cao của 2 đối tượng (2 đồ vật hoặc 2 người trong gia đình. - So sánh chiều cao giữa 2 thành viên trong gia đình. - So sánh chiều cao giữa 2 ngôi nhà và nói các mối quan hệ đó (cao hơn – thấp hơn). - So sánh kích thước của 2 đối tượng dài – ngắn. - So sánh 2 loại cây theo kích thước: Cao – thấp; To – nhỏ. - So sánh kích thước 2 đối tượng (củ, quả) to – nhỏ. - Phân loại con vật theo 1-2 dấu hiệu về kích thước (to/nhỏ, cao/thấp). - So sánh kích thước của 2 phương tiện giao thông: To – nhỏ. - Chọn hình theo kích thước to – nhỏ. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật, và nhận dạng hình trong thực tế. 	

<p>48. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các hình học để chấp ghép. - Nhận biết tên gọi hình tròn và nhận dạng hình tròn theo mẫu. - Nhận dạng hình tròn, hình vuông. - Nhận biết gọi tên của hình vuông, hình tam giác hình tròn. - Nhận biết hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn, hình tam giác. - Nhận biết các hình hình học, chọn các hình theo tên gọi, kích thước. - Sử dụng các hình hình học chấp, ghép thành hình mới có hình giống bông hoa. - Nhận dạng và gọi tên hình chữ nhật, nhận dạng các hình tròn, vuông, tam giác, trong thực tế. - Sử dụng các hình chấp ghép thành các hình đơn giản giống hình các con vật. - Ghép các hình tạo thành hình con gà, con thỏ, con mèo. - Chọn hình theo tên gọi; chấp, ghép một số phương tiện giao thông bằng các hình hình học. 	
Định hướng trong không gian và định hướng thời gian		
<p>49. - Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết phía trên, dưới, trước, sau. Tay phải, tay trái của bản thân. - Nhận biết vị trí đồ vật trong gia đình so với bản thân: Phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau, tay trái tay phải. - Xác định vĩa hè bên tay phải, bên tay trái của bản thân. 	
<p>50. Nhận biết phía phải, phía trái của bản thân. nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết phía phải, phía trái của bản thân. 	
Nhận biết bản thân, gia đình, trong lớp mầm non và cộng đồng. (KPxH).		
<p>51. Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi. - Trò chuyện, đàm thoại, tìm hiểu về bản thân: Họ tên, tuổi, giới tính, ngày sinh nhật, đặc điểm hình dáng bên ngoài. 	
<p>52. Nói được tên của bố,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên của cha, mẹ và các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình. 	

mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Đàm thoại, trò chuyện tìm hiểu về địa chỉ gia đình, các thành viên trong gia đình, những người họ hàng gần gũi:	
53. Nói được tên trường / lớp, cô giáo, bạn, đồ dùng đồ chơi trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ nói tên lớp, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp và các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.	
54. Nhận biết một số nghề phổ biến truyền thống ở địa phương.	- Kể tên nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng, nghề bác sĩ, nghề thợ may... khi được hỏi, xem tranh. - Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một nghề phổ biến.	
55. Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.	- Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, tết nguyên đán... qua trò chuyện, tranh ảnh. - Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương: Gáo Giồng, Tràm chim, Lâm hoa Sa đéc.... - Tên của di tích lịch sử, của địa phương. (Di tích lịch sử mộ Cụ phó bảng Nguyễn sinh Sắc, Xẻo Quýt...).	

3/. Lĩnh vực Giáo dục phát triển ngôn ngữ:

Nghe và hiểu lời nói.		
56. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Nghe hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. (VD: Con hãy lấy quả bóng, ném vào rổ; Con lấy ca nước, dùm cô; Con ném bóng về trước...)	
57. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi như quần, áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi như quần, áo, đồ chơi, hoa, quả... - Hiểu từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	
58. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Nghe hiểu ND các câu đơn mở rộng. - Nghe hiểu ND truyện kể, Truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày		

<p>59. Nói rõ các tiếng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp - Phát âm rõ ràng để người khác hiểu được. 	
<p>60. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...(Bông đẹp, đi chơi, Ca uống nước...) 	
<p>61. Sử dụng câu đơn, câu ghép.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu & hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn. - Trả lời và đặt câu hỏi: Ai? Cái gì? ở đâu? Khi nào? - Trẻ sử dụng câu kể, tả hoặc giới thiệu về sự vật, sự việc. 	
<p>62. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, đi xem phim, đi công viên, sinh nhật,...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại sự việc như Đi thăm ông bà, đi chơi, đi xem phim, đi công viên, sinh nhật,... - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. 	
<p>63. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ đọc thuộc và phát âm rõ ràng các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Trẻ nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp. 	
<p>64. Kể lại chuyện đơn giản dưới sự giúp đỡ của người lớn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại chuyện đã được nghe, có sự giúp đỡ của cô. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ của người lớn. 	
<p>65. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ lắng nghe, hiểu nội dung truyện và sử dụng lời nói để bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. - Đóng vai theo lời dẫn truyện của GV. 	
<p>66. Sử dụng các từ: “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”...trong giao tiếp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép (Dạ, thưa, vâng...) qua giao tiếp hằng ngày. 	
<p>67. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ sử dụng lời nói rõ ràng, đủ nghe, không nói lí nhí trong giao tiếp hằng ngày. 	
Làm quen với việc đọc – viết.		
<p>68. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp xúc với sách, truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. 	

	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. Giữ gìn sách.	
69. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật.	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống. (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ,...) - Nhìn qua tranh trẻ trò chuyện về một số biểu hiện của nhân vật trong tranh và gọi được tên nhân vật.. - Nhìn vào tranh minh họa, trẻ nói các biển hiệu giao thông, tín hiệu đèn giao thông.	
70. Thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các câu. - Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	

4/. Lĩnh vực Giáo dục phát triển tình cảm kĩ năng xã hội:

Thể hiện ý thức về bản thân		
71. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ. và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Trẻ nói được tên của bố, mẹ. - Trẻ biết tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Trẻ chuyện về công việc của bố mẹ, ích lợi của các nghề.	
72. Nói được điều bé thích, không thích.	- Trẻ nói lên được những điều bé thích và không thích (Con thích đi học, thích chơi búp bê. Con không thích chơi bóng...).	
Thể hiện sự tự tin, tự lực.		
73. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động như: Học tập, vui chơi, (Trẻ tự tin trả lời câu hỏi), - Trẻ mạnh dạn tự lực trong các hoạt động (dọn dẹp đồ dùng đồ chơi, tham gia trò chơi một cách tích cực...).	
74. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp	- Thực hiện sự tự tin khi được phân công (công việc vừa sức). - Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi	

đồ chơi...)	quy định.	
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh.		
75. Nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết được trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	
76. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Trẻ biết thể hiện cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt cử chỉ với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh. - Trẻ biết thể hiện tình cảm qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	
77. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác hồ kính yêu qua tranh, ảnh, trong bài thơ, bài hát, câu chuyện. - Trẻ nhận ra biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của Bác Hồ kính yêu đối với thiếu nhi, nhi đồng qua phim, ảnh, truyện, thơ, bài hát..	
78. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm, thích thú khi được nghe hát, kể chuyện, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	
79. Thể hiện sự quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. (Phản mộ cụ Nguyễn Sinh Sắc, Công viên văn Miếu...) - Quan tâm về truyền thống, đặc trưng văn hóa, phong tục.	
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.		
80. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- ĐỂ ĐDĐC đúng qui định. - Trò chuyện với trẻ về những quy định chung của lớp và tham gia thực hiện những hoạt động chung trong lớp. - Thực hiện một số quy định ở nhà và ở trường: Cất đồ chơi, đồ dùng đúng chỗ, không làm ồn ào. - Tham gia vào hoạt động theo nhóm: Cất dọn đồ dùng, đồ chơi gọn gàng, ngăn nắp sau khi chơi. - Sắp xếp đồ chơi ngăn nắp, gửi gìn đồ dùng, đồ chơi trong gia đình, vâng theo lời bố mẹ.	
81. Biết chào hỏi và nói	- Thực hiện 1 số hành vi văn hóa: Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).	

lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Trẻ thực hiện được quy tắc ứng xử trong giao tiếp (Chào tạm biệt, cảm ơn, xin lỗi). khi được nhắc nhở.	
82. Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột, vâng lời bố mẹ	- Yêu mến người thân trong gia đình: mẹ, anh, chị, em ruột. - Xem tranh, ảnh về gia đình. Trò chuyện về mối quan hệ và tình cảm giữa những người trong cùng gia đình. - Trò chuyện về sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau của các thành viên trong gia đình.	
83. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Biết lắng nghe khi người lớn nói. - Chú ý lắng nghe cô nói, trả lời khi được cô gọi. - Tập trung lắng nghe bạn nói, không trả lời lắt nhắt.	
84. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hoà thuận với bạn. - Biết chờ đến lượt. - Trẻ nhận ra hành vi "đúng"- "Sai", "Tốt" – "Xấu".	
85. Tên của cô giáo, bạn bè nhóm/ lớp.	- Trẻ biết tên cô giáo, bạn trong lớp học. - Tên lớp, tên trường của bé học.	
Quan tâm đến môi trường.		
86. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc (Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối). - Yêu thích các loại cây. - Thích chăm sóc tưới nước, lau lá... - Yêu thích vật nuôi, thích chăm sóc các con vật. - Trò chuyện về vẻ đẹp của thiên nhiên, của các loại cây, hoa, quả... những loại hoa, quả trẻ yêu thích và những cảm xúc của trẻ. - Trò chuyện về những người trồng, chăm sóc cây, rau, vườn hoa, quả. - Làm quen với việc chăm sóc cây (Tưới cây, lau lá, nhổ cỏ...) Trò chuyện về những hành vi bảo vệ cây, bảo vệ môi trường... - Trò chuyện về những con vật mà bé thích. - Quan sát và làm quen với việc chăm sóc và bảo vệ con vật nuôi.	
87. Bỏ rác đúng nơi qui định. Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Trẻ biết bỏ rác vào thùng rác theo quy định. Đi vệ sinh đúng nơi. - Không để tràn nước khi rửa tay. - Tiết kiệm điện nước.	

5/. Lĩnh vực Giáo dục phát triển thẩm mỹ:

Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật "71"	
88. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của sự vật hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và nghệ thuật "50" - Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
89. Chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe kể câu chuyện "72"	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. - Thích nghe kể câu chuyện "72" và cảm nhận, bộc lộ được cảm xúc khi nghe được nội dung câu chuyện.
90. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	<ul style="list-style-type: none"> - Thích thú, reo lên, xuýt xoa trước cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh đẹp trong một bức tranh. - Nâng niu một bông hoa, một cây non, vuốt ve một con vật nhỏ...
Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc "75" và hoạt động tạo hình "76"	
91. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát quen thuộc.
92. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp.
93. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.

ra sản phẩm theo sự gợi ý.		
94. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	
95. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	
96. Lăn dọc, xoay tròn, ấn bẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn bẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	
97. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	
98. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	Sử dụng một số kỹ năng nói rõ ràng, mạch lạc để nhận xét các sản phẩm tạo hình.	
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
99. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. (vỗ tay, lắc lư, nhún nhảy) - Thực hiện được cảm xúc và vận động phù hợp (vỗ tay, lắc lư, nhún nhảy) với nhịp điệu của bài hát.	
100. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. - Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	
101. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Trẻ mạnh dạn tự tin đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	

II/ DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Tháng	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Ghi chú
9/9 ->13/9/2024	Trường mầm non	Trường mầm non của bé	3	1
16/9->20/9/2024		Lớp học của bé		
23/9->27/9/2024		Đồ dùng đồ chơi của bé		
30/9->4/10/2024		Tôi là ai?	4	2

7/10->11/10/2024	Bản thân	Cơ thể tôi		
14/10->18/10/2024		Xúc cảm của bé		
21/10->25/10/2024		Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh		
28/10->01/11/2024	Gia đình	Ngôi nhà của tôi	4	3
4/11->8/11/2024		Gia đình của bé		
11/11->15/11/2024		Họ hàng của bé		
18/11->22/11/2024		Đồ dùng trong gia đình		
25/11->29/11/2024	Nghề nghiệp	Nghề dạy học	4	4
02/12->6/12/2024		Một số nghề phổ biến		
9/12->13/12/2024		Nghề xây dựng		
16/12->20/12/2024		Nghề truyền thống		
23/12->27/12/2024	Thế giới động vật	Động vật nuôi trong gia đình	4	5
30/12->03/01/2025		Động vật sống dưới nước		
6/01->10/01/2025		Động vật sống trong rừng		
13/01->17/01/2025		Một số loại côn trùng - chim		
20/01->24/01/2025	Thế giới thực vật + Tết mùa xuân	Tết - mùa xuân	4	6
Nghỉ Tết nguyên đán				
03/02->7/02/2025	Thế giới thực vật + Tết mùa xuân	Một số loại hoa		
10/02->14/02/2025		Một số loại rau, củ, quả		
17/02->21/02/2025		Vườn cây của bé		
24/02->28/02/2025	Phương tiện	Phương tiện giao thông đường bộ và Phương tiện giao thông đường sắt	4	7

3/03->7/03/2025	giao thông	Phương tiện giao thông đường thủy			
10/03->14/03/2025		Phương tiện đường hàng không.			
17/03->21/03/2025		Bé với luật giao thông			
24/03->28/03/2025	Hiện tượng tự nhiên	Sự kỳ diệu của nước	4	8	
31/03->4/4/2025		Bé tìm hiểu về hiện tượng tự nhiên			
7/4->11/4/2025		Các mùa trong năm			
14/4->18/4/2025		Không khí xung quanh ta			
21/4->25/4/2025	Quê hương – Đất nước – Bác Hồ	Tân Hồng quê em	4	9	
28/4->02/5/2025		Danh lam thắng cảnh			
5/5->9/5/2025		Đất nước diệu kỳ			
12/5->16/5/2025		Bác Hồ kính yêu			
19/5->23/5/2025	Tham quan				
26/5->30/5/2025	Ôn tập và tổng kết năm học				
Kết thúc chương trình 16/5/2025	TC: 9 Chủ đề	35 tuần / năm học	Có 101 mục tiêu		

C/. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC KHỎI CHỒI

I/. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ SỐ TUẦN:

1/. Lĩnh vực Giáo dục phát triển thể chất:

Mục tiêu GD năm học	Nội dung GD năm học	Ghi chú
<i>Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>		
1. Thực hiện đúng đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp trong bài thể dục theo hướng dẫn (Hô hấp – Tay – Lưng, bụng, lườn – Chân) đúng theo hiệu lệnh đếm.	
2. Thực hiện đủ các	- Thực hiện động tác phát triển các	

động tác trong bài thể dục sáng theo nhạc.	nhóm cơ và hô hấp đúng đầy đủ, nhịp nhàng trong bài thể dục sáng theo hiệu lệnh nhạc (Hô hấp – Tay – Lưng, bụng, lườn – Chân).	
<i>Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động.</i>		
3. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn, - Đi liên tục trên ghế thể dục. - Đi bằng gót chân, đi khuyu gối 	
4. Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. - Đi nối liền bàn chân tiến, lùi. 	
5. Đi / chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5) vật chuẩn đặt đích dắc.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc. (4-5 điểm) - Đi, chạy vượt chướng ngại vật. 	
6. Phối hợp tay – mắt trong vận động: Tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn): Bắt bóng được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 mét).	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Chuyền, bắt bóng qua đầu qua chân. - Chuyền bóng phía phải, phía trái. 	
7. Phối hợp tay – mắt trong vận động: Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m).	- Ném xa bằng 1 tay.	
	<ul style="list-style-type: none"> - Ném xa bằng 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném trúng đích nằm ngang (xa 2 m). - Ném trúng đích thẳng đứng (xa 1,5m x cao 1,2m). 	
8. Phối hợp tay – mắt trong vận động: Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	<ul style="list-style-type: none"> - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp. 	
9. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây.	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy chậm 60 – 80 m. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. 	
10. Phối hợp chân, tay – mắt trong vận động:	<ul style="list-style-type: none"> - Lăn bóng về phía trước bằng 2 tay. - Lăn bóng trong đường hẹp. 	

Lăn bóng		
11. Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chất trong vật động: Trèo lên xuống giống thang.	- Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 giống thang.	
12. Phối hợp tay – chân: Trườn, Bò trong đường dích dắc 5-6 điểm dích dắc, cách nhau 2m	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4 - 5 m - Bò dích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 06m. - Trườn theo hướng thẳng.	
13. Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chất trong vật động: Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 – 35 cm) (ND)	- Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35-40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30-40cm). - Bật tách chân, khếp chân qua 5 ô.	
	- Bật qua vật cản cao 10-15cm. - Nhảy lò cò 3m.	
<i>Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt.</i>		
14. Thực hiện được các vận động: Cuộn - xoay tròn cổ tay; Gập mở các ngón tay.	- Vò, xoáy, xoắn, vận, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy.	
15. Cắt thành thạo theo đường thẳng.	- Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xé, cắt đường thẳng.	
16. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Xếp chồng được 10 – 12 khối.	- Xếp chồng được 10 – 12 khối. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Lắp ghép hình.	
17. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ hình người, nhà, cây.	- Tô, vẽ hình người, nhà, cây. - Vẽ hình người, nhà, cây với các nét cơ bản.	
18. Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Lắp ráp các hình, khâu luồn các hạt, buộc dây. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Cài, cởi cúc, khâu buộc dây.	
<i>Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe. (GDDĐVSK).</i>		

<p>19. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá... có nhiều chất đạm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết một số thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá...có nhiều chất đạm. (Trên tháp dinh dưỡng). -Thịt, cá, tôm, cua... có nhiều chất đạm. 	
<p>20. Rau, quả chín có nhiều vitamin.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết ích lợi của các nhóm thực phẩm, giàu vitamin và chất khoáng - Biết một số thực phẩm cùng nhóm. (Rau, quả). 	
<p>21. Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được tên một số món ăn hàng ngày. - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số nhóm thực phẩm, món ăn như: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... 	
<p>22. Biết ăn để cao lớn khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều thức ăn khác nhau để đủ chất dinh dưỡng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) 	
<i>Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</i>		
<p>23. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. - Tự lau mặt, đánh răng. 	
<p>24. Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Xếp gọn đồ dùng, đồ chơi vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. 	
<p>25. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. (Tay phải cầm thìa, tay trái cầm bát...) - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng xong phải biết thu dọn đúng nơi quy định. 	
<i>Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>		
<p>26. Có một số hành vi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tự xúc ăn, uống nước, ăn xong xếp chén muống vào nơi quy định. - Ngồi vào bàn ăn, tự xúc cơm ăn. 	

tốt trong ăn uống.	<ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau.... - Không uống nước lã. 	
27. Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi đi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện trẻ một số thói quen tốt về giữ gìn sức khoẻ: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi đi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể đối với sức khoẻ con người. - Lợi ích của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết. 	
28. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản: Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người. 	
29. Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có hành vi tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ: Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định. 	
<i>Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.</i>		
30. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần, biết không nên nghịch các vật sắc, nhọn.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... - Nhận biết và phòng tránh không đến gần những nơi có vật sắc, nhọn và không nên nghịch chúng. 	
31. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. 	
32. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được	<ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống, hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. 	

nhắc nhở.	- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	
33. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. + Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	

2/. Lĩnh vực Giáo dục phát triển nhận thức:

<i>Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng. (KPKH)</i>		
34. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”; “Vì sao lá cây bị ướn?...”	- Hiểu nguyên nhân hiện tượng đơn giản xung quanh, đặt câu hỏi tại sao, đưa ra các phán đoán suy luận, giải thích. - Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	
35. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Nhận biết một số đặc điểm và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Nhận biết một số đặc điểm và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.	
36. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Một đặc điểm, tính chất của nước. - Chơi với cát nước. - Chơi thả thuyền. - Đong đếm nước. - Thổi bong bóng xà phòng. - Vật nào chìm, vật nào nổi. - Chơi pha nước với các chất khác (Pha màu/ đường/ muối).	
37. Thu thập và tìm hiểu thông tin về các bộ phận của cơ thể con	- Tìm hiểu được chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	

<p>người, như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện.</p>	<p>- Tên tuổi giới tính của bản thân.</p>	
<p>38. Thu thập và tìm hiểu thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện.</p>	<p>- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.</p> <p>- Xem băng hình, tranh ảnh và đàm thoại, trò chuyện về một số đặc điểm nổi bật của một vài nghề phổ biến quen thuộc (dạy học, nghề y, bộ đội, công an, thợ xây, thợ may...)</p> <p>- Trẻ nói được thông tin về gia đình trẻ như tên của cha, mẹ và các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình.</p> <p>- Đàm thoại, trò chuyện tìm hiểu về địa chỉ gia đình, các thành viên trong gia đình, những người họ hàng gần gũi.</p>	
<p>39. Trẻ tìm hiểu và nhận biết được tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</p>	<p>- Quan sát, nhận xét về các loại phương tiện giao thông.</p> <p>- Trẻ nhận biết được tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.</p>	
<p>40. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.</p>	<p>- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.</p> <p>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 – 2 dấu hiệu.</p> <p>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 – 2 dấu hiệu.</p> <p>- Phân loại một số phương tiện giao thông theo 1 – 2 dấu hiệu.</p>	
<p><i>Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.</i></p>		
<p>41. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”.</p>	<p>- Trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”.</p> <p>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với các sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</p> <p>- Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi</p>	

	<p>trường sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích của nước đối với đời sống con người, con vật và cây. 	
<p>42. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. 	
<p>43. Một số hiện tượng tự nhiên làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của con người, con vật và cây.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. 	
<p><i>Thể hiện hiểu biết về các đối tượng bằng các cách khác nhau</i></p>		
<p>44. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 – 3 đồ dùng đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. 	
<p>45. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...⁶⁰</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét trò chơi về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. + Thể hiện qua hoạt động vui chơi góc, vui chơi ngoài trời. + Trò chơi dân gian, + Trò chơi vận động theo nhạc. + Hát các bài hát về cây, con vật... + Vẽ xé dán nặn, ghép hình.... cây cối, con vật.... 	
<p><i>Nhận biết số đếm, số lượng (LQVMSKNSĐVT)</i></p>		
<p>46. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Là số mấy?”...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến các chữ số, đếm số lượng xung quanh trẻ theo khả năng. - Thích đếm các đồ vật xung quanh trẻ và nói kết quả về số lượng. - Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Là số mấy?”... 	

<p>47. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi 	
<p>48. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh nhiều hơn, ít hơn. - Đếm và so sánh về số lượng trong phạm vi 10 - Đếm gộp và tách, so sánh số lượng trong phạm vi 8. - So sánh 2 nhóm rau (củ/quả) có số lượng trong phạm vi 9 và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - So sánh 2 nhóm PTGT (Xe máy/ô tô) có số lượng trong phạm vi 10 và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. 	
<p>49. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn trong phạm vi 5. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm trong phạm vi 5 và nói được kết quả 	
<p>50. Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm và nói được kết quả số lượng trong phạm vi 6. - Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn trong phạm vi 6. Đặt chữ số tương đương với nhóm số lượng. 	
<p>51. Sử dụng các số từ 1 – 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm chữ số, số lượng và thứ tự từ 1 – 5. - Đặt chữ số tương đôi với số lượng trong phạm vi 5. - Sử dụng các số từ 1 – 5 để chỉ số lượng, số thứ tự. 	
<p>52. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe...) - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng ký hiệu cho đồ dùng cá nhân trẻ. 	
Sắp xếp theo quy tắc.		
<p>53. Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi. - Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại. 	
<p>54. So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Biết sắp xếp các đối tượng theo trình 	

	tự nhất định theo yêu cầu.	
<i>So sánh hai đối tượng</i>		
55. Sử dụng dụng cụ để đo độ dài 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Sử dụng dụng cụ để đo độ dài của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.	
56. Sử dụng dụng cụ để đo dung tích 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo dung tích bằng một đơn vị đo. - Sử dụng dụng cụ để đo dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	
<i>Nhận biết hình dạng</i>		
57. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...).	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật, - Nhận biết hình dạng của các đồ vật quen thuộc xung quanh trẻ (Cửa xô dạng vuông, cửa cái dạng chữ nhật...)	
58. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Sao chép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích theo yêu cầu.	
<i>Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</i>		
59. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Biết vị trí của vật so với bản thân trẻ. (phía trước - phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái). - Biết vị trí của vật so với bản thân trẻ và so với người khác. (phía trước - phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái).	
60. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi; sáng, trưa, chiều tối. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	
<i>Nhận biết bản thân, gia đình, trong lớp mầm non và cộng đồng. (KPXH).</i>		
61. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi. - Trẻ nói họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của trẻ khi được trò chuyện.	
62. Nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.	- Trẻ nói họ tên, công việc của bố, mẹ và những người thân trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện.	

đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Trẻ nhận ra bố, mẹ và những người thân trong gia đình khi được xem ảnh.	
63. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện	- Trẻ nhận ra nơi ở của mình khi được xem tranh, ảnh. - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện	
64. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ nói tên, địa chỉ của trường lớp được hỏi, trò chuyện. - Trẻ nói được tên các góc chơi của lớp, trường, khi được hỏi.	
65. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói tên một số công việc của cô giáo trong lớp trẻ khi được hỏi. - Trẻ nói tên và một số công việc của các cô nhân viên trong trường (Cấp dưỡng, cô y tế...) khi được hỏi, trò chuyện	
66. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Nhận biết, nói họ tên và một vài đặc điểm của các bạn khi được hỏi, trò chuyện. - Trẻ kể lại được các hoạt động của trẻ ở trường khi được trò chuyện.	
<i>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương. Một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.</i>		
67. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi.... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. - Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương khi được hỏi, trò chuyện. - Tên gọi, công cụ, sản phẩm và các hoạt động có ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	
68. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Trẻ kể được đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của địa phương.	
69. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh. - Trẻ kể được đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của địa phương.	

3/. Lĩnh vực Giáo dục phát triển ngôn ngữ:

<i>Nghe và hiểu lời nói.</i>		
70. Thực hiện được 2 - 3 dấu hiệu liên tiếp,	- Nghe, hiểu lời nói và làm theo được 2, 3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày. ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	
71. Hiểu được nghĩa một số từ khái rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng / thực vật / động vật ... - Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát rau quả, con vật, đồ gỗ...	
72. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	
<i>Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày</i>		
73. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “khi nào?”; “Để làm gì?”.	
74. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng hoạt động. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh	
75. Sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Trả lời và đặt câu hỏi.	
76. Kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Biết kể lại các sự việc đơn giản theo trình tự thời gian.	
77. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao....	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	
78. Kể chuyện có mở	- Kể lại truyện đã được nghe.	

đầu, kết thúc.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	
79. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Nghe, sử dụng các từ biểu cảm. - Đóng kịch.	
80. Sử dụng các từ: "Mời cô"; "Mời bạn"; "Cám ơn"; "Xin lỗi"... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	
81. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Trẻ sử dụng lời nói rõ ràng, đủ nghe, không nói lí nhí trong giao tiếp hằng ngày. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	
<i>Làm quen với việc đọc – viết.</i>		
82. Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	
	- Làm quen với cách sử dụng sách và cách đọc sách	
83. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, hiện tượng trong tranh.	
84. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- “Đọc” Truyện qua các tranh vẽ/ sách tranh. - Làm quen với cách đọc sách (hướng đọc: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới; đọc ngắt nghỉ sau các câu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	
85. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...) - Sử dụng kí hiệu để “Viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	
86. Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “Viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Làm quen với cách viết tiếng Việt. (hướng viết của các nét chữ: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Làm quen với công cụ viết và đưa tạo thành nét chữ cái	

87. Trẻ có biểu tượng ban đầu về ký hiệu / chữ cái / chữ viết.	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	
--	--	--

4/. Lĩnh vực Giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội:

<i>Thể hiện ý thức về bản thân</i>		
88. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân. Tên bố, tên mẹ.	- Nói về một thông tin quan trọng về bản thân và gia đình. (tên ba, mẹ, người thân trong gia đình) - Trẻ nói được tên tuổi và giới tính của bản thân.	
89. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Trẻ nói sở thích, khả năng của bản thân.	
<i>Thể hiện sự tự tin, tự lực.</i>		
90. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực.	
91. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	
91. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên lề phải)	
<i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh.</i>		
92. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	
93. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát; vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	
94. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Nhận biết và thể hiện tình cảm kính yêu Bác Hồ qua tranh ảnh, sách báo, phim tư liệu	
95. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Trẻ nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	

96. Trẻ nhận biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.		
97. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên lề phải). - Biết nhường nhịn bạn khi chơi, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Thực hiện một số quy định: cất, xếp đồ chơi, đồ dùng, bỏ rác đúng nơi quy định, không làm ồn, không tranh giành đồ chơi	
98. Biết cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. - Biết vâng lời ông bà, cha mẹ. - Biết yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	
99. Biết chú ý lắng nghe khi cần thiết.	- Chú ý lắng nghe khi cô, bạn nói. - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.	
100. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác. - Phân biệt được hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu”	
101. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật)	- Biết làm việc cá nhân và phối hợp cùng bạn bè. - Trẻ biết quan tâm, giúp đỡ bạn thực hiện hoạt động chung.	
Quan tâm đến môi trường.		
102. Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật. - Bảo vệ, chăm sóc cây cối.	
103. Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường như: Bỏ rác đúng nơi quy định; không vẽ bậy trên tường; đi tiêu, tiểu đúng nơi quy định...	
104. Không bẻ cành, ngắt hoa.	- Trẻ biết và bảo vệ chăm sóc cây cối. - Trẻ có ý thức không bẻ cành, ngắt hoa.	
105. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	

quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước.	
-----------------------------------	-------------------------	--

5/. Lĩnh vực Giáo dục phát triển thẩm mỹ:

<i>Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</i>		
106. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc. - Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi ngắm vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, tác phẩm nghệ thuật.	
107. Chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện. "73"	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Trẻ thích nghe và đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ. - Trẻ thích nghe và kể câu chuyện. "73" - Trẻ tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc.	
108. Thích thú ngắm nhìn, chỉ sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	
Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.		
109. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ....	- Hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát quen thuộc: thể hiện được cảm xúc và vận động phù hợp (vỗ tay, lắc lư, nhún nhảy) với nhịp điệu của bài hát	
110. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo, nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. - Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo, nhịp, tiết tấu, múa).	

111. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình và vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	
112. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	Sử dụng các kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn để tạo ra bức tranh có màu sắc, bố cục đẹp.	
113. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục.	Sử dụng các kỹ năng xé cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục.	
114. Làm lồm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- Sử dụng các kỹ năng nặn, cơ bản tạo thành sản phẩm có kích thước, hình dáng.	
115. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc khác nhau.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc khác nhau.	
116. Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Trẻ biết nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
117. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm tiết tấu bài hát. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm nhịp điệu bài hát.	
118. Lựa chọn dụng cụ gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu chậm.	
119. Nói lên ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói được ý tưởng sản phẩm của bản thân.	
120. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Trẻ tự tin đặt tên cho sản phẩm của mình	

II/ DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Tháng	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Ghi chú
9/9 ->13/9/2024	Trường mầm non	Trường mầm non của bé	3	1
16/9->20/9/2024		Lớp học của bé		
23/9->27/9/2024		Đồ dùng đồ chơi của bé		
30/9->4/10/2024	Bản thân	Tôi là ai?	4	2
7/10->11/10/2024		Cơ thể tôi		
14/10->18/10/2024		Xúc cảm của bé		
21/10->25/10/2024		Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh		
28/10->01/11/2024	Gia đình	Ngôi nhà của tôi	4	3
4/11->8/11/2024		Gia đình của bé		
11/11->15/11/2024		Họ hàng của bé		
18/11->22/11/2024		Đồ dùng trong gia đình		
25/11->29/11/2024	Nghề nghiệp	Nghề dạy học	4	4
02/12->6/12/2024		Một số nghề phổ biến		
9/12->11/12/2024		Nghề xây dựng		
16/12->20/12/2024		Nghề truyền thống		
23/12->27/12/2024	Thế giới động vật	Động vật nuôi trong gia đình	4	5
30/12->03/01/2025		Động vật sống dưới nước		
6/01->10/01/2025		Động vật sống trong rừng		
13/01->17/01/2025		Một số loại côn trùng - chim		
20/01->24/01/2025	Thế giới thực vật + Tết mùa xuân	Tết - mùa xuân	4	6

Nghỉ Tết nguyên đán			
03/02->7/02/2025	Thế giới thực vật + Tết mùa xuân	Một số loại hoa	
10/02->14/02/2025		Một số loại rau, củ, quả	
17/02->21/02/2025		Vườn cây của bé	
24/02->28/02/2025	Phương tiện giao thông	PTGT đường bộ và PTGT đường sắt	4
3/03->7/03/2025		PTGT đường thủy	
10/03->14/03/2025		PTGT đường hàng không.	
17/03->21/03/2025		Bé với luật giao thông	
24/03->28/03/2025	Hiện tượng tự nhiên	Sự kỳ diệu của nước	4
31/03->4/4/2025		Bé tìm hiểu về hiện tượng tự nhiên	
7/4->11/4/2025		Các mùa trong năm	
14/4->18/4/2025		Không khí xung quanh ta	
21/4->25/4/2025	Quê hương – Đất nước – Bác Hồ	Tân Hồng quê em	4
28/4->02/5/2025		Danh lam thắng cảnh	
5/5->9/5/2025		Đất nước diệu kỳ	
12/5->16/5/2025		Bác Hồ kính yêu	
19/5->23/5/2025	Tham quan		
26/5->30/5/2025	Ôn tập và tổng kết năm học		
Kết thúc chương trình 16/5/2025	TC: 9 Chủ đề	35 tuần / năm học	Có 120 mục tiêu

D/. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC KHỎI LÁ

I/. MỤC TIÊU, NỘI DUNG, DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ SỐ TUẦN:

1/. Lĩnh vực Giáo dục phát triển thể chất:

Mục tiêu GD năm	Nội dung GD năm học	Ghi chú
------------------------	----------------------------	----------------

học		
Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
<p>1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.</p>	<p>- Thực hiện động tác phát triển các nhóm, (Hô hấp – Tay - lưng, bụng, lườn - chân) các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.</p>	
<p>2. Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục sáng theo nhạc của từng chủ đề.</p>	<p>Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp đúng đầy đủ, nhịp nhàng trong bài thể dục sáng theo hiệu lệnh nhạc (Hô hấp – Tay – Lưng, bụng, lườn – Chân).</p>	
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động.		
<p>3. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m.</p>	<p>- Đi trên dây (dây đặt trên sàn) - Đi trên ván kê vóc cao 0,3 m (dài 2m, rộng 0,3m) - Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2mx0,25x0,35m)</p>	
<p>4. Giữ được thăng bằng không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.</p>	<p>- Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.</p>	
<p>5. Tré đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây</p>	<p>- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi không khuyu gối - Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây</p>	
<p>6. Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).</p>	<p>- Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh</p>	
<p>7. Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m)</p>	<p>- Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Tung bắt bóng với người đối diện. (Khoảng cách 4m)</p>	
<p>8. Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m)</p>	<p>- Ném trúng đích nằm ngang</p>	
	<p>- Đi và đập bắt bóng.</p>	

<p>9. Trẻ đi. Đạp và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp. - Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân - Chuyên, bắt bóng phía phải – phía trái. 	
<p>10. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện: Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy chậm khoảng 100 – 120m. - Chạy 18m trong khoảng thời gian 10 giây. - Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây (BC). - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian (BC). 	
<p>11. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện: Bò qua 5 – 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5m. - Bò thấp chui qua cổng 	
<p>12. Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bò đích dắc qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6 m. 	
<p>13. Bật xa tối thiểu 50cm (1)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bật xa 40 – 50cm. - Bật liên tục vào 5 vòng - Bật tách chân, khép chân qua 7 ô 	
<p>14. Nhảy xuống từ độ cao 40 cm. (2)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bật - nhảy từ trên cao xuống (40–45cm) - Bật qua vật cản 15 – 20 cm 	
<p>15. Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. (4)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bò kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 m x 30cm). - Trèo lên xuống 7 giống thang. 	
<p>16. Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (9)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhảy lò cò 5m (ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu) 	
<p>17. Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút. (14)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học tập trung chú ý tích cực trong 30 phút. - Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp, ngủ gật. 	
<p>18. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tự mặc và cởi được áo, quần. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. 	

dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).		
19. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu.	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp ráp các hình, khâu luôn các hạt, buột dây. - Lắp ráp ô tô, bàn ghế, tủ giường... - Xếp chồng nhà cao tầng, chăn trại, khung viên vườn hoa... 	
20. Cắt được theo đường viền của hình vẽ. Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Xé, cắt được đường cong của các hình họa tiết trên sách báo cũ. - Xé cắt đường vòng cung. - Ghép dán thành hình đồ vật, con vật, cây xanh, hoa quả... 	
<i>Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe. (GDDĐVSK).</i>		
21. Biết lựa chọn được một số thực phẩm khi gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu đạm (Thịt cá trứng...), giàu vitamin và muối khoáng (Rau, quả...)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. 	
22. Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể, nói tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hằng ngày: Rau luộc, nấu canh, xào; thịt luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. 	
23. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Nhận ra được dấu hiệu của một số đồ ăn bị nhiễm bẩn, ôi thiu. (BC) 	
24. Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt đánh răng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện kỹ năng: Tự rửa tay bằng xà phòng. (6 bước). - Có thói quen rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. - Tập luyện kỹ năng tự chải răng, lau 	

	<p>mặt (đúng quy trình).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thói quen tự chải răng rửa mặt, lau mặt sau khi ăn và ngủ dậy. 	
<p>25. Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt: tự thay quần, áo khi bị ướt và bẩn. - Thực hiện để đồ dùng các nhân, đồ dùng đồ chơi của lớp, đúng nơi quy định. 	
<p>26. Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (BC)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chải hoặc vuốt lại tóc khi bù rối. - Chỉnh lại quần áo khi bị xô xệch hoặc phủ bụi đất khi bị dính bẩn. 	
<p>27. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. (Tay phải cầm thìa, tay trái cầm bát...) - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng xong phải biết thu dọn đúng nơi quy định. 	
<i>Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>		
<p>28. Trẻ có thói quen tốt trong ăn uống: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn được nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. - Không ăn những thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê. - Hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. 	4
<p>29. Trẻ đi vệ sinh và bỏ rác đúng nơi quy định.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhỏ bậy ra lớp. - Trẻ biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. 	
<p>30. Trẻ có thói quen tốt trong vệ sinh răng miệng: sau khi ăn, hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện cho trẻ có thói quen tốt vệ sinh răng miệng: sau khi ăn, hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Trẻ biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể. - Tập luyện một số thói quen và hành vi lịch sự trong giao tiếp 	

31. Trẻ có thói quen khi ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Trẻ nhận ra lợi ích của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. 	
32. Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân cách phòng tránh - Trẻ biết không tự uống thuốc. 	
<i>Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.</i>		
33. Trẻ biết bàn ủi, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhắc nhở hoặc báo người lớn khi thấy bạn sử dụng những đồ vật gây nguy hiểm. 	
34. Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, nguy hiểm đến tính mạng. - Tác hại của một số việc làm gây nguy hiểm. 	
35. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Biết số điện thoại người thân, địa chỉ gia đình. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn / người rơi xuống nước, ngã chảy máu... 	
36. Trẻ biết tránh một số trường hợp không an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết phòng tránh khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. - Không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. 	
37. Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt, đội an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công hàng rào. 	

2/. Lĩnh vực Giáo dục phát triển nhận thức:

Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng. (KPKH)

38. Tô mò tìm tòi,	- Hay đặt câu hỏi.	
---------------------------	--------------------	--

khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu, làm rõ thông tin về một sự vật, sự việc hay con người nào đó. - Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh 	
39. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa sự phát triển của cây xanh với môi trường sống. - Tìm hiểu đặc điểm, lợi ích và tác hại của cây, hoa, lá, quả. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số cây, hoa, lá, quả. 	
40. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán nhận xét và thảo luận.	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình phát triển của cây con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây hoa quả. - Chú ý quan sát và dự đoán hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo - cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. 	
41. Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặc lời mới cho bài hát.	<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi tên mới câu chuyện phản ánh đúng nội dung, ý nghĩa lý tưởng của câu chuyện. - Đặt tên đồ vật mà trẻ thích. - Thay 1 từ hoặc 1 cụm từ của một bài hát. 	
42. Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung câu chuyện. - Đóng được vai của nhân vật trong truyện. 	
43. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu. 	
<i>Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề</i>		

<i>đơn giản.</i>		
44. Nhận xét được mối liên hệ đơn giản sự vật hiện tượng VD "Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi".	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản con vật và cây với môi trường sống. 	
45. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. 	
<i>Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.</i>		
46. Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	<ul style="list-style-type: none"> - Sự khác nhau của giữa ngày và đêm. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. 	
47. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động, chơi âm nhạc và tạo hình. ⁶⁴	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác. - Thường là người khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi mới - Xây dựng các "công trình" khác nhau từ những khối xây dựng. - Tự Vận động minh họa/ múa sáng tạo khác hợp lý nhưng khác với hướng dẫn của cô. - Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác. - Đóng được vai của nhân vật trong truyện. 	
<i>Nhận biết số đếm, số lượng (LQVMSKNSĐVT)</i>		
48. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các chữ số, số lượng và các số thứ tự trong phạm vi 10. - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. 	
49. Đếm trong phạm vi 10.	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. 	

	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	
50. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh nhiều hơn, ít hơn. - Đếm và so sánh về số lượng trong phạm vi 10 - Đếm gộp và tách, so sánh số lượng trong phạm vi 10.	
	- So sánh 2 nhóm rau (củ/quả) có số lượng trong phạm vi 10 và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - So sánh 3 nhóm PTGT (xe máy/ ô tô) có số lượng trong phạm vi 10 và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	
51. Gộp các nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Tách các nhóm đối tượng bằng nhiều cách khác nhau và đếm. - Gộp các nhóm đối tượng bằng nhiều cách khác nhau và đếm.	
52. Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. - Tách 1 nhóm thành 2 nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau. - Gộp các nhóm đối tượng và đếm.	
53. Nhận biết các con số từ 5 – 10 và sử dụng các số đó chỉ số lượng, số thứ tự.	- Quan tâm chữ số, số lượng và thứ tự từ 5 – 10. - Đặt chữ số tương đương với số lượng trong phạm vi 10. - Sử dụng các số từ 5 – 10 để chỉ số lượng, số thứ tự.	
54. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe...) - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng ký hiệu cho đồ dùng cá nhân trẻ. - Nói ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ	
Sắp xếp theo quy tắc. So sánh hai đối tượng		
55. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp.	

<p>56. So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. 	
<p>57. Sử dụng được⁶⁹ một số dụng cụ để đo, đong và so sánh và nói kết quả.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. 	
<p><i>Nhận biết hình dạng. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</i></p>		
<p>58. Gọi tên và chỉ các điểm giống, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình học bằng các cách khác nhau. 	
<p>59. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật chuẩn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau, phía trên- phía dưới, phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác. - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau, phía trên- phía dưới, phía phải – phía trái) so với một vật nào đó làm chuẩn. 	
<p>60. Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên các ngày trong tuần. - Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự. - Nói được trong tuần những ngày nào đi học, ngày nào nghỉ ở nhà. - Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày 	
<p><i>Nhận biết bản thân, gia đình, trong lớp mầm non và cộng đồng. (KPXH).</i></p>		
<p>61. Trẻ nhận biết bản thân nói họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết về bản thân: Họ tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi. - Trẻ trò chuyện, đặc điểm bên ngoài; chức năng các giác quan và các bộ phận khác trong cơ thể. - Trẻ nói về sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình khi được hỏi. 	

<p>62. Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói họ, tên, nghề nghiệp của bố, mẹ và sở thích của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện. - Trẻ nhận ra bố, mẹ và những người thân trong gia đình khi được xem ảnh. - Trẻ nhận ra được mối quan hệ quyết thống trong gia đình (2-3 thế hệ) khi được hỏi, trò chuyện 	
<p>63. Nói địa chỉ của gia đình mình, số điện thoại khi được hỏi, trò chuyện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận ra nơi ở của mình khi được xem tranh, ảnh. - Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình số nhà, đường phố/ thôn, xóm) số điện thoại khi được hỏi, trò chuyện 	
<p>64. Nói tên và địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận ra những đặc điểm nổi bật của trường, lớp; công việc của cô giáo, các cô bác nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. - Trẻ nói tên và đặc điểm, sở thích của các bạn trong lớp. - Trẻ nói được tên trường, lớp, địa chỉ và các hoạt động của trẻ ở trường. 	
<p><i>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương. Một số lễ hội và danh lam thắng cảnh.</i></p>		
<p>65. Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống. - Kể được một số công cụ làm nghề và sản phẩm của nghề. 	
<p>66. Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về một số điểm vui chơi công cộng. - Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội - Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. 	

3/. Lĩnh vực Giáo dục phát triển ngôn ngữ:

Nghe và hiểu lời nói.

<p>67. Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2,3 hành động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được những lời nói và chỉ dẫn của người khác và phản hồi lại bằng những hành động hoặc lời nói phù hợp trong các hoạt động vui chơi, học tập, sinh hoạt hàng ngày. - Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp. 	
---	---	--

<p>68. Hiểu Nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (Đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi. - Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh. 	
<p>69. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt ánh mắt phù hợp. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để người nói biết rằng mình đã hiểu hay chưa hiểu điều họ nói. - Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói 	
<i>Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</i>		
<p>70. Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng và rõ ràng những điều muốn nói để người khác có thể hiểu được. - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. - Không nói tục, chửi bậy 	
<p>71. Kể rõ ràng có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện theo đồ vật theo tranh - Kể lại sự việc hiện tượng theo trình tự. - Kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự. 	
<p>72. Sử dụng các từ chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động - Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từng biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày. 	
<p>73. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh....</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?”; “Có gì giống nhau?”; “Có gì khác nhau?”; “Do đâu mà có?” - Đặt các câu hỏi: “Tại sao?”; “Như thế nào?”; “Làm bằng gì?”... 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết 	

<p>74. Mô tả sự việc với một số⁷⁰ thông tin về hành động, tính cách trạng thái...của nhân vật.</p>	<p>của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân - Nhận ra sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi 	
<p>75. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, ... - Đọc thuộc các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. 	
<p>76. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết kể chuyện theo tranh. - Đọc thành một câu chuyện có bắt đầu, diễn biến và kết thúc một cách hợp lý, có logic. 	
<p>77. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự. - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự - Đóng vai nói lời thoại của nhân vật. 	
<p>78. Sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi ”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”;...phù hợp với tình huống.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. - Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống 	
<p>79. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp - Phát âm đúng và rõ ràng những điều muốn nói để người khác có thể hiểu được. 	
<i>Làm quen với việc đọc – viết.</i>		
<p>80. Biết chọn sách để “đọc” và xem.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sự thích thú với sách - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Đọc truyện qua các tranh vẽ. 	
<p>81. Kể chuyện theo</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc kể theo truyện tranh đã biết - Kể chuyện qua các tranh vẽ 	

tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Chỉ vào chữ dưới tranh minh họa và đọc thành tiếng (theo trí nhớ) để đọc thành câu chuyện có nội dung phù hợp với từng tranh minh họa.	
82. Biết cách “Đọc sách” từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Có một số hành vi như người đọc sách - Biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. - Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách	
83. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Biết ý nghĩa của một số ký hiệu, Biểu tượng trong cuộc sống - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông; đường cho người đi bộ...)	
84. Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái. - Nhận dạng các chữ cái viết thường hoặc viết hoa. - Phát âm đúng các âm của các chữ cái đã được học.	
85. Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt. - Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của nét chữ: đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói	
86. Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân	- Cố gắng tự mình viết ra, cố gắng tạo ra những biểu tượng những hình mẫu ký tự có tính chất sáng tạo hay sao chép lại các ký hiệu, chữ, từ để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân. - Đọc lại những ý mình đã “viết” ra.	
87. Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái	- Cầm bút viết và ngồi để viết đúng cách. - Sao chép các từ theo trật tự cố định trong các hoạt động. - Biết sử dụng các dụng cụ viết vẽ khác nhau để tạo ra các dòng chữ giống chữ viết để biểu đạt ý tưởng hay một thông tin nào đấy. Nói cho người khác biết ý	

	nghĩa của các dòng mình đã “viết”.	
88. Biết “Viết” tên của bản thân theo cách của mình	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra các chữ cái trong tên của mình. - Sao chép lại đúng tên bản thân. Nhận ra tên của mình trong trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ. - Biết “Viết” chữ cái theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới 	

4/. Lĩnh vực Giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội:

<i>Thể hiện ý thức về bản thân</i>		
89. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân. Tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói về một thông tin quan trọng về bản thân và gia đình. - Nói được tên, sở thích các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, địa chỉ nhà, số điện thoại 	
90. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân - Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân 	
91. Nói được mình có điểm gì giống và khác nhau (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân - Lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính. 	
92. Trẻ biết mình là con / cháu / anh / chị / em trong gia đình.	Trẻ nhận ra vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	
<i>Thể hiện sự tự tin, tự lực.</i>		
93. Tự làm một số công việc đơn giản hằng ngày. (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	<ul style="list-style-type: none"> - Tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở, hay hỗ trợ của người lớn - Biết nhắc các bạn cùng tham gia. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. 	
94. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	<ul style="list-style-type: none"> - Cố gắng thực hiện công việc đến cùng - Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn quần áo...). 	
95. Đề xuất trò chơi và	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. 	

hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến - Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết - Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân 	
<i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh.</i>		
96. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, của người khác	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm thanh. - Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh 	
97. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Thể hiện những trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ phù hợp với tình huống qua lời nói/ cử chỉ/ nét mặt. - Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt 	
98. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân bạn bè - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan Tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè. 	
99. Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ thích thú quan tâm đến các hoạt động của Bác Hồ kính yêu qua trò chuyện, xem tranh ảnh, phim. - Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ 	
100. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích, lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hoá truyền thống của quê hương đất nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Trẻ biết một vài nét văn hoá truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương 	
<i>Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.</i>		
101. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và công cộng: sau khi chơi cất đồ	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên lề phải). 	

chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Thực hiện một số quy định: cấp, xếp đồ chơi, đồ dùng, bỏ rác đúng nơi quy định, không làm ồn, không tranh giành đồ chơi. - Trẻ biết vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	
102. Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn.	
103. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt ngang lời người khác.	- Biết lắng nghe ý kiến. - Lắng nghe ý kiến của người khác - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép. lịch sự.	
104. Biết chờ đến lượt.	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt. - Có ý thức chờ đợi tuân tự trong khi tham gia các hoạt động: Xếp hàng hoặc chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác trong khi chờ đợi.	
105. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Trao đổi ý kiến của mình với bạn bè - Lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa thuận.	
106. Biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Chơi với bạn vui vẻ. - Thể hiện sự thân thiện đoàn kết với bạn bè - Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm	
<i>Quan tâm để môi trường.</i>		
107. Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật.	
	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối.	
108. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Nhận ra hành vi đúng/sai của mọi người ứng xử với môi trường xung quanh. - Bỏ rác đúng nơi quy định; đi tiêu. tiểu đúng nơi quy định...	
109. Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác, bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	- Không vẽ bậy trên tường. - Chăm sóc cây trồng, bảo vệ vật nuôi.	

<p>110. Trẻ có hành vi tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước. - Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hằng ngày. 	
<p>111. Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” – “sai”, “Tốt”. - “xấu”. - Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành vi của người khác. 	
<p>112. Quan tâm, chia sẻ giúp, giúp đỡ bạn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thích chia sẻ cảm xúc kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với người gần gũi - Trao đổi hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm. - Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn 	
<p>113. Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. - Thực hiện nhiệm vụ với thái độ sẵn sàng vui vẻ - Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình. 	

5/. Lĩnh vực Giáo dục phát triển thẩm mỹ:

<p><i>Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</i></p>		
<p>114. Tán thưởng, và tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và xử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Trẻ ngắm nhìn và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. 	
<p>115. Chăm chú lắng nghe, và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp), theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết các loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc - Trẻ tỏ ra thích thú (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh 	

dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện. "74"	hoa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. - Trẻ thích nghe và đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ. - Trẻ thích nghe và kể câu chuyện. "74"	
116. Thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét và bố cục. - Nói về ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình	
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.		
117. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát - Trẻ hát đúng lời, giai điệu của một số bài hát trẻ em đã được học.	
118. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Nghe và cảm nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát bản nhạc. - Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo phách, nhịp, tiết tấu, múa). - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	
119. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản	
120. Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn để tạo ra sản phẩm có nhiều màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	
121. Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố	- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản - Sử dụng các kỹ năng xé cắt theo đường thẳng, đường cong, đường lượn... để dán thành sản phẩm có màu	

cục cân đối.	sắc hài hòa và bố cục cân đối. - Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn	
122. Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có bố cục cân đối.	- Sử dụng các kỹ năng nặn, cơ bản tạo thành sản phẩm có kích thước, hình dạng.	
123. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc hài hòa, bố cục cân đối khác.	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc hài hòa, kích thước, hình dạng khác nhau.	
124. Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	
125. Tự nghĩ ra hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo điệu nhạc một bài hát bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn). - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm nhịp điệu bài hát.	
126. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Trẻ tìm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích (<i>âm thanh khi sử dụng</i>)	
127. Nói lên ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói được ý tưởng sản phẩm của bản thân. - Nói về ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.	
128. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Trẻ tự tin đặt tên cho sản phẩm của mình	
129. Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.	- Nghe các thể loại âm nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) - Nghe và nhận sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	
130. Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Nhận ra được cái đẹp (bông hoa đẹp, bức tranh vẽ đẹp, búp bê xinh ...) - Những biểu hiện thích thú trước cái đẹp reo, xuýt xoa khi nhìn thấy đồ vật,	

	cảnh vật đẹp....	
131 Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc	- Trẻ tỏ ra phấn khởi, ngắm nghía hoặc nâng niu, vuốt ve. - Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác. - Cất sản phẩm cẩn thận.	

II/ DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Tháng	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Ghi chú
9/9 ->13/9/2024	Trường mầm non	Trường mầm non của bé	3	1
16/9->20/9/2024		Lớp học của bé		
23/9->27/9/2024		Đồ dùng đồ chơi của bé		
30/9->4/10/2024	Bản thân	Tôi là ai?	4	2
7/10->11/10/2024		Cơ thể tôi		
14/10->18/10/2024		Xúc cảm của bé		
21/10->25/10/2024		Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh		
28/10->01/11/2024	Gia đình	Ngôi nhà của tôi	4	3
4/11->8/11/2024		Gia đình của bé		
11/11->15/11/2024		Họ hàng của bé		
18/11->22/11/2024		Đồ dùng trong gia đình		
25/11->29/11/2024	Nghề nghiệp	Nghề dạy học	4	4
02/12->6/12/2024		Một số nghề phổ biến		
9/12->13/12/2024		Nghề xây dựng		
16/12->20/12/2024		Nghề truyền thống		
23/12->27/12/2024	Thế giới động vật	Động vật nuôi trong gia đình	4	5
30/12->03/01/2025		Động vật sống dưới nước		

6/01->10/01/2025		Động vật sống trong rừng		
13/01->17/01/2025		Một số loại côn trùng - chim		
20/01->24/01/2025	Thế giới thực vật + Tết mùa xuân	Tết - mùa xuân	4	6
Nghỉ Tết nguyên đán				
03/02->7/02/2025	Thế giới thực vật + Tết mùa xuân	Một số loại hoa		
10/02->14/02/2025		Một số loại rau, củ, quả		
17/02->21/02/2025		Vườn cây của bé		
24/02->28/02/2025	Phương tiện giao thông	PTGT đường bộ và PTGT đường sắt	4	7
3/03->7/03/2025		PTGT đường thủy		
10/03->14/03/2025		PTGT đường hàng không.		
17/03->21/03/2025		Bé với luật giao thông		
24/03->28/03/2025	Hiện tượng tự nhiên	Sự kỳ diệu của nước	3	8
31/03->4/4/2025		Bé tìm hiểu về hiện tượng tự nhiên		
7/4->11/4/2025		Các mùa trong năm		
14/4->18/4/2025	Quê hương – Đất nước – Bác Hồ	Tân Hồng quê em	3	9
21/4->25/4/2025		Đất nước diệu kỳ		
28/4->02/5/2025		Bác Hồ kính yêu		
5/5->9/5/2025	Bé vào tiểu học	Trường tiểu học	2	10
12/5->16/5/2025		Bé vào tiểu học		
19/5->23/5/2025	Tham quan			
26/5->30/5/2025	Ôn tập và tổng kết năm học			
Kết thúc chương trình 16/5/2025	TC: 10 Chủ đề	35 tuần / năm học	Có 131 mục tiêu	

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2024 – 2025 của trường Mầm Non Sơn Ca. Đề nghị các tổ chuyên môn triển khai đến các thành viên trong tổ và nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- BGH (chỉ đạo);
- Các tổ trưởng, GV (thực hiện);
- Lưu: VT, CM.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG**

Bùi Thị Thúy An